

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN Độc lập- Tự do - Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 300/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân

1/ Ông Phan Ngọc Hải

2/ Bà Võ Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Việt – Thư ký TAND thị xã Điện Bàn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Thị Thương - Kiểm sát viên

Trong ngày 27/9/2017 tại Hội trường TAND thị xã Điện Bàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17/5/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 23/8/2017 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim Đ - Sinh năm 1981 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã Điện P, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam

Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

2/Bị đơn: Ông Trịnh Ngọc T - Sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2017 và các lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Hồ Thị Kim Đ trình bày: Bà Hồ Thị Kim Đ và ông Trịnh Ngọc T kết hôn vào ngày 09/7/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Điện Bàn, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ, con, suốt ngày chơi bời leo lổng, thường xuyên cờ bạc, rượu chè say sưa, vay mượn tiền của bạn xã hội đen để đánh cờ bạc, cá độ bóng đá, đi cả đêm không về, gây nợ nần chồng chất, gia đình đã nhiều lần trả nợ thay cho ông T và khuyên bảo ông

T nên tu chí làm ăn nhưng ông T không nghe, vẫn chứng nào tật nấy, tiếp tục gây nợ xã hội đen đến nhà đòi nợ hăm dọa giết vợ, con, vợ, chồng thường xuyên cãi vã nhau và phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bà Đ bùng con về nhà cha, mẹ ruột ở xã Đ để sống từ tháng 05/2017 đến nay. Nay bà Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì cuộc sống chung với ông T nên bà Đ yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 02 con

1/Trịnh Ngọc N – Sinh ngày 01/7/2004

2/Trịnh Ngọc H – Sinh ngày 06/5/2008

Hiện nay hai con đang sống cùng với bà Đ, khi ly hôn bà Đ yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con Trịnh Ngọc H mỗi tháng là: 3.000.000đ đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn ông Trịnh Ngọc T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, giao nhận bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, ông Trịnh Ngọc T từ chối làm việc với Tòa án và không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên không có lời khai của ông Trịnh Ngọc T trong hồ sơ vụ án.

Tóm tắt ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết và xét xử vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn ông Trịnh Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho bà Hồ Thị Kim Đ được ly hôn ông Trịnh Ngọc T, giao hai con chung Trịnh Ngọc N và Trịnh Ngọc H cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng, ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trịnh Ngọc H hàng tháng là: 2.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hồ Thị Kim Đ yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung đối với ông Trịnh Ngọc T, căn cứ Khoản 1, Điều 28, Điểm a, Khoản 1, Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Ông Trịnh Ngọc T hiện nay cư trú tại xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 39 BLTTDS thì vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 2, Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Kim Đ và ông Trịnh Ngọc T kết hôn vào ngày 09/7/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã Điện Bàn, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa bà Hồ Thị Kim Đ và ông Trịnh Ngọc T là hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Đ khai là do ông T không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ, con, suốt ngày chơi bời leo lổng, thường xuyên cờ bạc, rượu chè say sưa, vay mượn tiền của bọn xã hội đen để đánh cờ bạc, cá độ bóng đá, gây nợ nần chồng chất, từ đó vợ, chồng thường xuyên cãi vã nhau và phát sinh mâu thuẫn, bà Đ bồng con về nhà cha, mẹ tại xã Đ để sống từ tháng 05/2017 đến nay và yêu cầu ly hôn ông T. Quá trình giải quyết vụ án ông T cố tình vắng mặt nên không có lời khai của ông T, không xác định được ý kiến của ông T và do ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải để động viên vợ chồng về đoàn tụ chung sống, tuy nhiên qua điều tra, xác minh thì được biết vợ, chồng ông T và bà Đ không chung sống với nhau gần 01 năm nay. Vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu ly hôn của bà Đ là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận xử cho bà Đ được ly hôn với ông T phù hợp với Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung
1/Trịnh Ngọc N – Sinh ngày 01/7/2004
2/Trịnh Ngọc H – Sinh ngày 06/5/2008

Hiện nay hai con đang sống cùng bà Đ, khi ly hôn bà Đ yêu cầu được nuôi hai con chung. Xét yêu cầu của bà Đ thấy rằng: Bà Đ hiện nay buôn bán có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa trong thời gian vợ chồng sống ly thân cháu N và H sống cùng bà Đ, được bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng rất tốt. Cháu N và H có nguyện vọng được sống cùng bà Đ để tiếp tục học tập. Đối với ông T trong quá trình giải quyết vụ án, ông không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình, điều đó chứng tỏ ông T không có yêu cầu đối với vấn đề nuôi con chung. Do đó để đảm bảo ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho con, đồng thời đáp ứng nguyện vọng của các con chưa thành niên và giữ nguyên môi trường sống, học tập của hai con, HĐXX cần phải giao hai con cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Bà Đ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con Trịnh Ngọc H mỗi tháng 3.000.000đ. Xét yêu cầu của bà Đ thấy rằng: Do không có lời khai của ông T nên không xác định được ý kiến của ông T như thế nào đối với yêu cầu của bà Đ, tuy nhiên theo Khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “ *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con...* ”, bà Đ yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 1 con là đúng

quy định của pháp luật, nhưng hiện nay theo bà Đ khai ông T không có việc làm và thu nhập ổn định nên mức cấp dưỡng theo yêu cầu 3.000.000đ là quá cao. Do đó để đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho con và đáp ứng nhu cầu chi phí sinh hoạt hàng ngày của con chưa thành niên HĐXX cần phải buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện định kỳ hàng tháng là 2.000.000đ là phù hợp. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 10/2017 đến khi Trịnh Ngọc H đủ 18 tuổi.

Ông T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đ khai không có, tuy nhiên không có lời khai của ông T nên chưa xác định được vợ chồng bà Đ có tài sản chung và nợ chung hay không. Do đó HĐXX tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

[6] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí, Điểm a, Khoản 5, Điểm a, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 4, Điều 147 BLTTDS bà Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28, Điểm a, Khoản 1, Điều 35, Điểm a, Khoản 1, Điều 39, Khoản 2, Điều 227, Khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 1, Điều 51, Khoản 1, Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự, Luật Phí và Lệ phí, Điểm a, Khoản 5, Điểm a, Khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim Đ đối với ông Trịnh Ngọc T về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1/Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Hồ Thị Kim Đ và ông Trịnh Ngọc T.

2/Về con chung: Có 02 con chung

+Trịnh Ngọc N – Sinh ngày 01/7/2004

+Trịnh Ngọc H – Sinh ngày 06/5/2008

Giao Trịnh Ngọc N và Trịnh Ngọc H cho bà Hồ Thị Kim Đ trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Trịnh Ngọc N và Trịnh Ngọc H hiện nay đang sống cùng bà Hồ Thị Kim Đ).

Buộc ông Trịnh Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện định kỳ hàng tháng là: 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ tháng 10/2017 đến khi Trịnh Ngọc H đủ 18 tuổi.

Ông Trịnh Ngọc T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3/Về án phí: Bà Hồ Thị Kim Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số: 0008440, ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Hồ Thị Kim Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trịnh Ngọc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./

Nơi nhận:

- Những người TGGT;
- VKS, THA;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nhung

